

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 88/2020/HSST

Ngày 30 - 9 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức;

2. Bà Võ Thị Trúc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số 45 Lê Lợi, thành phố Đông Hà), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2020/TLST-HS ngày 15/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HS ngày 18/9/2020, đối với các bị cáo,

1. Lê Sĩ Nhị S (Tên gọi khác: **Lu**), sinh ngày 11/12/1992, tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn PL, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị; Nghề Nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Sĩ N, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có,

- Tiền án: Có 03 tiền án, cụ thể:

Bản án số 58/2015/HS-ST ngày 05/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S 15 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. S chấp hành án tại Trại giam Nghĩa An, đến ngày 26/04/2016 ra trại.

Bản án số 20/2016/HS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xử phạt Lê Sĩ Nhị S: 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Bản án số 29/2016/HS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Quảng Trị, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S 15 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 20/2016/HS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, buộc Lê Sĩ Nhị S phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù. S chấp hành án tại Trại giam Nghĩa An, đến ngày 13/02/2019 ra trại.

- Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/04/2012, Lê Sĩ Nhị S bị Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Quảng Trị, xử phạt 05 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 13/3/2020 đến nay tại Trại tạm giam-Công an tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Đức T (Tên gọi khác: **Tĩ**), sinh ngày 22/6/2000, tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Khu phố B, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Đức T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị C, sinh năm 1977; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có,

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 19/11/2018, Công an thành phố Đông Hà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đối với Hồ Đức T về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*”, với hình thức: Phạt tiền, đến nay chưa thi hành.

Nhân thân:

Ngày 12/02/2012, Công an thành phố Đông Hà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đối với Hồ Đức T về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, với hình thức: Cảnh cáo.

Ngày 06/5/2016, Công an thành phố Đông Hà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đối với Hồ Đức T về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*”, với hình thức: Cảnh cáo.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, kể từ ngày 05/5/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Thôn PH, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Khu phố M, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Nguyễn Viết H, sinh năm: 1981 và chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1984; Cùng địa chỉ: Thôn PL, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Viết Hùng: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn PL, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020 (Chị O là vợ anh H), có mặt.

- Anh Trần Minh H, sinh ngày 10/5/2003; Địa chỉ: Khu phố B, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật của anh Trần Minh H: Bà Hồ Thị Thanh H; Địa chỉ: Khu phố M, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Bà H là mẹ của Trần Minh H), vắng mặt.

- Anh Hồ Sỹ Khánh Đ, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn K, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Cháu Nguyễn Lê Hoàng O, sinh ngày 22/4/2009 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/02/2012; Cùng địa chỉ: Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật cháu Nguyễn Lê Hoàng O và cháu Nguyễn Quang T: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1978 và bà Lê Hải Y, sinh năm: 1983; Cùng địa chỉ: Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Ông Đ, bà Y là bố, mẹ của cháu O và cháu T), có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn R, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn PH, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Lê Quang Hoàng L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Ngô Ngọc P, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Cháu Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 06/02/2005; Địa chỉ: Khu phố ĐA, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Tiến Q: Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu phố ĐA, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Ông P là bố của Q), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu phố ĐA, phường ĐL, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Lê Mậu H sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Lê Thị X, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Mai Hoàng L; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Khu phố H, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Lương N, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Khu phố L, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn P L, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2.3 Người làm chứng:

- Anh Hoàng Đức H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Khu phố B, phường ĐG, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Hồ Minh Đ, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Khu phố H, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn PL, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Đội 7, thôn AB, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2019 đến 02/3/2020, Lê Sĩ Nhị S đã 06 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong đó, có 01 lần S cùng với Hồ Đức T thực hiện hành vi chiếm đoạt. Ngoài ra, ngày 09/02/2020, S còn có hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

[I] Hành vi chiếm đoạt

1. Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30, ngày 27/9/2019, khi Lê Sĩ Nhị S đang chơi tại nhà anh Nguyễn Tuấn Vũ; địa chỉ: Thôn PH, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị (*Sau đây viết tắt là: Thôn PH, xã TA*), thì gặp anh Nguyễn Văn Cường; cùng trú tại Thôn PH, xã TA nên S nhờ anh Cường chở về nhà. Anh Cường đồng ý và sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen- cam, biển kiểm soát (*Sau đây viết tắt là: BKS*) 74G1-139.61 của anh trai mình là anh Nguyễn Văn R, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn PH, xã TA, để chở S về. Trên đường về nhà, S nhờ anh C chở S đến nhà anh Hoàng Đức H; Địa chỉ: Khu phố b, phường ĐG, thành phố ĐH, chơi. Sau đó, tiếp tục nhờ chở đến hiệu cầm đồ Kim Yến, ở Quốc lộ 9, Phường 1, thành phố Đông Hà để cầm điện thoại di động rồi quay lại nhà anh Huế. Trên đường đi, S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô anh Cường đang điều khiển nên S giả vờ nói “*cho mượn xe để đi mua gói thuốc lá một tý*”. Tin tưởng bạn nên anh C giao xe, S liền đưa xe đi cầm cố; trên đường đi, S gặp ông Lê Quang Hoàng L, sinh năm: 1979; Trú tại: Khu phố H, Phường M, thành phố ĐH, thì bị ông L đòi nợ số tiền 11.000.000 đồng mà S đã vay trước đó nên S nói dối chiếc xe trên là của mình và gán nợ cho ông L.

Một thời gian sau, S gọi điện thoại cho ông L, nói “*Không có tiền chuộc lại xe và đề nghị ông L bán xe để trừ nợ*”. L đã bán chiếc xe nêu trên cho một người đàn ông không quen biết với giá: 11.000.000 đồng.

Ngày 19/3/2020, anh C làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Tại Bản kết luận định giá số 48/KLGD ngày 13/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74G1-139.61, tại thời điểm S chiếm đoạt là: 38.335.000 đồng.

2. Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 05/12/2019, S gọi điện thoại rủ anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1992; Trú tại: Khu phố N, phường ĐL, thành phố ĐH,

tỉnh Quảng Trị, đến uống cà phê tại Quán Acoustic, thuộc Khu phố 4, Phường 2, thành phố Đông Hà. Anh H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen, BKS 74C1-30.013 (xe của anh Ngô Ngọc P, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Quảng Trị, giao cho anh H sửa chữa- Anh H là thợ sửa xe mô tô) đến Quán Acoustic. Khi nhìn thấy anh H điều khiển xe mô tô đến, S liền nảy sinh ý định chiếm đoạt nên giả vờ nói với anh H “*Anh cho em mượn xe đi mua đồ một tý rồi về trả*”, tin tưởng S nên anh H giao xe, S liền đưa đến nhà bà Nguyễn Thi Kim O, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thành phố ĐH, nói dối là xe của mình rồi mượn bà O 9.000.000 đồng và để chiếc xe lại làm tin, số tiền này S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/01/2020, anh H làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 07/01/2020, anh H đến gặp bà O để chuộc lại chiếc xe mô tô nêu trên, với số tiền 9.000.000 đồng, sau đó giao nộp xe mô tô cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá số 05/KLGD ngày 17/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74C1-300.13, tại thời điểm S chiếm đoạt là: 30.000.000 đồng.

3. Lần thứ 3: Khoảng 18 giờ 30 ngày 21/12/2019, S cùng anh Nguyễn Viết H và một số người khác; Cùng trú tại: Thôn PL, xã TA, ngôi ăn uống tại Ngã Tư Sông, thuộc thôn Phở Lại, xã TA. Trong khi ăn, uống S biết anh Hùng đang dựng xe mô tô nhãn hiệu QUICKNEW WAVE, màu nâu, BKS 74F7-3469 gần bàn ăn nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên S giả vờ nói với anh H “*cho em mượn xe vô chở mẹ rồi quay ra nhậu tiếp*”. Tin lời S là thật, anh H giao xe cho S mượn. Sợ hành vi của mình bị phát hiện nên S giả vờ điều khiển xe đi vào chợ Sông rồi đến nhà bà Nguyễn Thi Kim O, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thành phố ĐH, nói là xe của mình để mượn bà O 2.000.000 đồng và để chiếc xe lại làm tin, số tiền này S tiêu xài cá nhân hết. Sau một thời gian thấy S không quay lại lấy xe, bà O bán chiếc xe nói trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch.

Ngày 13/3/2020, anh H làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Tại Bản kết luận định giá số 09/KLGD ngày 20/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CL, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74F7-3469, tại thời điểm S chiếm đoạt là: 2.100.000 đồng.

4. Lần thứ tư: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 14/02/2020, S gọi điện thoại cho anh Trần Minh H, sinh ngày 10/5/2003; Trú tại: Khu phố 3, phường ĐL, thành phố ĐH, nhờ anh H đến nhà của S để chở S vào thành phố Đông Hà. Anh H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, BKS 74C1-447.70 (xe của anh Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 06/02/2005 mượn của bố là ông Nguyễn Tiến P, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu phố ĐÁ, phường ĐL, thành phố

ĐH) chở S đến nhà anh Hồ Đức T; Địa chỉ: Khu phố 3, phường ĐL, thành phố ĐH, chơi. Khoảng 06 giờ cùng ngày, S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của anh H mang đi cầm cố nên S giả vờ nói với anh H “*cho anh mượn xe đi có việc một lát rồi quay lại trả*”, tin tưởng S nên anh H đồng ý giao xe, S liền điều khiển đến gặp anh Lê Mậu H, sinh năm: 1994; Trú tại: Khu phố 7, Phường V, thành phố ĐH, nói dối là xe của mình để mượn anh H 5.000.000 đồng và để xe lại làm tin, số tiền nói trên S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/3/2020, anh H làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Sau khi biết chiếc xe mô tô nhận của S để làm tin là do phạm tội mà có, ngày 20/3/2020, ông H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá số 49/KLGD ngày 13/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74C1-447.70, tại thời điểm S chiếm đoạt là: 17.290.000 đồng.

5. Lần thứ năm: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 27/02/2020, trong lúc đang ngồi chơi game tại quán Internet Bon Bon, thuộc Khu phố 1, Phường 5, thành phố Đông Hà, cùng với Hồ Đức T, S nhìn thấy anh Hồ Sỹ Khánh Đ, sinh năm: 1993; Trú tại: Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám-đen, BKS 74C1-426.66 đến đưa cơm cho bạn và biết T là bạn anh Đ nên S rủ T cùng S để lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của anh Đ để đưa đi cầm cố, lấy tiền nạp thẻ game và tiêu xài cá nhân, T đồng ý tham gia. S bảo T giả mượn xe của anh Đ đi lấy điện thoại rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, T liền đến gặp anh Đang và nói “*cho tau mượn xe đi lấy điện thoại lát quay lại*”, tin tưởng T nên anh Đ giao xe. S điều khiển xe chở T đến gặp anh Nguyễn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 1, thành phố Đông Hà, nói dối là xe của S rồi mượn anh T 6.000.000 đồng và để xe lại làm tin, số tiền có được S giữ 3.000.000 đồng và giao cho T 3.000.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/3/2020, anh Đ làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Rồi đến gặp anh Nguyễn T chuộc lại chiếc xe với giá 6.000.000 đồng, sau đó giao nộp xe cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá số 47/KLGD ngày 13/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74C1-426.66, tại thời điểm S và T chiếm đoạt là: 18.630.000 đồng.

6. Lần thứ sáu: Khoảng 00 giờ ngày 02/3/2020, S đến quán ăn khuya tại Ngã Tư Sòng thuộc thôn Phở Lại, xã TA, thì gặp anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1999; Trú tại: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, đang ngồi ăn uống cùng bạn. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, thấy anh T ăn uống xong nên S nhờ anh Tuệ chở S vào thành phố Đông Hà, anh T đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen xám, BKS 74B1-168.90 (xe của bà Lê Thị X, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL- giao cho con là anh T mượn sử dụng)

chở S đến trước số nhà 30- Đinh Tiên Hoàng; Khu phố 2, Phường 1, thành phố Đông Hà. Lúc này S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của anh T đang sử dụng để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và nạp thẻ game nên giả vờ nói với anh T “*cho anh mượn xe đi một lát quay lại trả*”. Tin tưởng S, anh Tuệ giao xe, S liền điều khiển xe đến gặp ông Mai Hoàng L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu phố TC, phường ĐL, thành phố Đông Hà, nói dối là xe của mình rồi mượn ông L 10.000.000 đồng và để xe lại làm tin, số tiền có được S tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi biết được xe của mình bị S cầm cố tại ông L, anh T đã đến gặp ông L và chuộc lại xe, với số tiền 10.000.000 đồng rồi làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Tại Bản kết luận định giá số 50/KLGĐ ngày 13/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 74B1-168.90, tại thời điểm S chiếm đoạt là: 27.930.000 đồng.

*** *Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ được, gồm:*** Xe mô tô BKS 74C1-300.13, số khung RLHJF4611EZ748236, số máy: JF46E7548251; Xe mô tô BKS 74C1-447.70, số khung 3740KY027738, số máy: E32VE077240; Xe mô tô BKS 74C1-426.66, số khung 3240KY227944, số máy: E3XE615781 và xe mô tô BKS 74B1-168.90, số khung 6309FZ535902, số máy: JF63E1294802.

[III] Hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Lê Sỹ Nhị S là người chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định của pháp luật. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/02/2020, S điều khiển xe mô tô kiểu dáng Jupiter, hiệu Yamaha, có dung tích xi lanh 110cm³, xe không có BKS và đèn chiếu sáng (Do anh Nguyễn Tất T, Địa chỉ: Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đứng tên chủ sở hữu nhưng anh T đã cho tặng anh Nguyễn Lương Nghĩa; Địa chỉ: Khu phố Lai Phước, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị- *Sau đây gọi tắt là: xe mô tô*) chở theo Hồ Minh Đức; Trú tại: Khu phố 2, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo theo hướng CL đi Đông Hà, cách mép lề đường bên phải cùng chiều khoảng 03-04 mét, với tốc độ khoảng 30 đến 40 Km/h. Khi đi đến đoạn trước cổng chính của Công viên Fidel, S quan sát thấy phía trước khoảng 70 mét, có xe đạp do cháu Nguyễn Lê Hoàng O, sinh năm: 2009, điều khiển chở em trai là Nguyễn Quang T, sinh năm: 2012 di chuyển theo hướng ngược chiều trên phần đường xe mô tô của S đang lưu thông, cách dải phân cách cứng khoảng 0,6 mét. S chủ quan cho rằng: Xe đạp đi ngược chiều không ảnh hưởng đến việc lưu thông của xe mình nên S giữ nguyên tốc độ và tiếp tục điều khiển xe đi thẳng. Khi hai xe cách nhau khoảng 30 mét, cháu O điều khiển xe đạp chuyển hướng S trái theo hướng di chuyển để về phía khu vực trước cổng chính Công viên Fidel. Lúc này, S nhìn thấy cháu O chuyển hướng nhưng cho rằng cháu O đã quan sát thấy xe mô tô của S đang đi tới và sẽ nhường đường cho xe mô tô vượt qua trước rồi chuyển hướng sau nên vẫn không giảm tốc độ. Khi hai xe cách nhau khoảng 05 mét, xe đạp đã chuyển hướng đến vạch sơn phân chia hai làn

đường nên S giảm tốc độ đánh lái S phải theo hướng di chuyển để tránh. Do khoảng cách quá gần nên xe mô tô do S điều khiển đã va chạm vào xe đạp do cháu O điều khiển, gây tai nạn giao thông.

Hậu quả: Cháu Nguyễn Lê Hoàng O, cháu Nguyễn Quang T và Lê Sĩ Nhị S bị thương; Xe mô tô và xe đạp bị hư hỏng.

1. Kết quả khám nghiệm hiện trường

Hiện trường đã bị xáo trộn do việc cấp cứu nạn nhân cũng như phương tiện qua lại; Điều kiện thời tiết tại thời điểm khám nghiệm: Trời tối, có ánh sáng của đèn đường.

Nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố Đông Hà (trước cổng Công viên Fidel), đoạn đường này thẳng, mặt đường được trải nhựa phẳng, không bị che khuất tầm nhìn. Mặt đường rộng hơn 16 mét, được chia thành 02 phần đường riêng biệt bằng dây phân cách cứng. Lấy hướng đi CL-Đông Hà (hướng Tây - Đông) làm hướng khám nghiệm; Lấy mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm mép đường chuẩn; Lấy trụ đèn chiếu sáng số CS11A nằm trên dây phân cách cứng là điểm chuẩn. Hiện trường để lại các dấu vết:

- Vết rơi giấy và mảnh giỏ xe (Đánh số 1): Có 24 mảnh giấy và vỡ mảnh nhựa của giỏ xe màu nâu đất, có kích thước 80cm x 60cm. Tâm (1) cách mép chuẩn 2,80 mét và cách điểm chuẩn 5,92 mét.

- Vết cày (Đánh số 2): Dài 14,60 mét, điểm đầu (2) cách mép chuẩn 3,65 mét và cách tâm (1) 2,40 mét, điểm cuối (2) kết thúc tại vị trí gác để chân trước xe mô tô (10) và cách mép chuẩn là 2,70 mét.

- Nạn nhân- Cháu Nguyễn Lê Hoàng O (Đánh số 3): Nằm trên đường, đầu nạn nhân hướng về Đông Hà, cách mép chuẩn là 1,40 mét; Gót chân nạn nhân cách mép chuẩn 1,47 mét.

- Vết máu (Đánh số 4): Kích thước 40cm x 30cm, tâm (4) cách mép chuẩn 1,55 mét và cách điểm đầu (5) 1,80 mét.

- Vết cày (Đánh số 5): Dài 36 cm, điểm đầu (5) cách mép chuẩn 2,92 mét, cách điểm đầu (2) 2,77 mét và cách điểm đầu (3) 1,37 mét, điểm cuối (5) cách mép chuẩn 2,85 mét.

- Vết cày (Đánh số 6): Dài 8,10 mét, điểm đầu (6) cách mép chuẩn 3,77 mét và cách điểm đầu (5) 1,27 mét, điểm cuối (6) cách mép chuẩn 3,72 mét.

- Vết cày (Đánh số 7): Dài 7,00 mét, điểm đầu (7) cách mép chuẩn 3,13 mét và cách điểm đầu (6) 4,70 mét, điểm cuối (7) cách mép chuẩn 2,85 mét và gần vị trí tâm trục bánh xe trước bên trái xe mô tô (10).

- Vết cày (Đánh số 8): Dài 6,40 mét, điểm đầu vết (8) cách mép chuẩn 3,49 mét và cách điểm đầu (7) 0,35 mét, điểm cuối (8) cách mép chuẩn 2,75 mét và kết thúc tại vị trí đầu mút cần móc số tiến của xe mô tô (10).

- Xe đạp (Đánh số 9): Xe đạp ngã nghiêng về phía bên trái, đầu xe hướng về tim đường, đuôi xe hướng về mép chuẩn, tâm trục bánh trước (9) cách mép

chuẩn 2,53 mét, tâm trục bánh sau (9) cách mép chuẩn 1,35 mét và cách điểm đầu (7) 2,85 mét.

- Xe mô tô (Đánh số 10): Xe mô tô không có BKS, ngã nghiêng về phía bên trái, đầu xe hướng chéo về tim đường và hướng đi Đông Hà, tâm trục bánh trước (10) cách mép chuẩn 2,85 mét, tâm trục bánh sau (10) cách mép chuẩn 2,40 mét và cách trục bánh sau (9) 3,92 mét.

- Vết loang dầu (Đánh số 11): Kích thước 2,5 mét x 1,5 mét chảy ra từ máy xe (10), cách mép chuẩn 2,17 mét và cách trục bánh sau (10) 01 mét.

- Nạn nhân- Cháu Nguyễn Quang T (Đánh số 12): Nạn nhân nằm đầu hướng về phía Đông Hà, đầu nạn nhân (12) cách mép chuẩn 0,46 mét, chân nạn nhân (12) cách mép chuẩn 0,44 mét.

* Phương tiện, tang vật thu giữ: Xe mô tô, 01 xe đạp, mảnh giỏ xe và 24 mảnh giấy bài.

2. Kết quả khám nghiệm phương tiện

2.1. Xe mô tô:

- Số khung: RCC 55B9407Y003030, số máy: 5B94- 003030, không có BKS,

- Nắp nhựa trước tay lái bị gãy, vỡ hoàn toàn kích thước (43x 25) cm.

- Đầu tay lái phía bên trái có dấu vết trượt xước, mài mòn cao su, kích thước (25 x 2)cm hướng từ phía trước ra sau.

- Mặt nạ đầu xe bị gãy vỡ hoàn toàn, kích thước (25 x 15)cm, có hướng từ trước ra sau.

- Ốp nhựa vai phuộc bên trái bị gãy vỡ, kích thước (25 x 13)cm.

- Mặt trước, phuộc trước bên phải có dấu vết trượt xước, bám chất màu trắng, kích thước (3,2 x 0,2)cm có hướng từ trước ra sau.

- Mặt dưới phía ngoài phuộc trước bên trái có dấu vết mài mòn, sáng kim loại, kích thước (2 x 0,6)cm, đầu mút phuộc này có dấu vết trượt xước kim loại, kích thước (0,3 x 1)cm.

- Phần trước dè chắn bên trước bị sút vỡ, trên bề mặt có dấu vết trượt xước, kích thước (13 x 35)cm có hướng từ trước ra sau.

- Cánh mang phải bị nứt, vỡ.

- Mép vành bánh trước bên phải tại vị trí cách chân van 26cm theo hướng ngược chiều tiến của bánh xe có dấu vết cong vành, biến dạng, bong tróc sơn, kích thước (19 x 25)cm hướng từ ngoài vào tâm trục, tương ứng tại vị trí này ở mặt má lốp bên phải và mặt lặn có dấu vết trượt xước, bám chất màu trắng, kích thước (30 x 7)cm hướng từ ngoài vào tâm trục, ngược chiều tiến của bánh xe.

- Mặt ngoài cần số trước có dấu vết trượt xước kim loại, kích thước (1 x 1)cm có hướng từ trước ra sau.

- Mặt ngoài lõi kim loại bàn đạp chân trước bên trái có dấu vết trượt kim loại, kích thước (1 x 1,5)cm có hướng từ trước ra sau.

- Mặt ngoài bàn đế chân trước bên trái có dấu vết mài mòn kim loại, kích thước (1,3 x 1,5)cm.

2.2. Xe đạp:

- Cổ xe bị gãy tại vị trí cổ xe tiếp giáp ghi đông.
- Phụộc xe trước và dè chắn bùn bánh xe trước bị cong gập theo hướng từ sau tới trước, bán xe trước bị gãy rời khỏi xe.

- Khung xe phía bên phải tại vị trí nối với yên sau và bộ phận tăng giảm độ cao của yên xe có dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đen kích thước (10 x 10)cm có chiều hướng từ trước ra sau và từ phải S trái, bám dính chất màu đen trên bề mặt kích thước (4 x 3)cm.

- Khung xe tại vị trí thân chéo phía dưới cách trục 08cm có dấu vết trượt xước, bong tróc sơn và mép kềm kim loại, kích thước (13 x 7,5)cm có chiều hướng từ trước ra sau và từ phải S trái.

- Mặt trước dè chắn xích có dấu vết móp méo, biến dạng, kích thước (2 x 15)cm, bề mặt có bám dính chất màu đen cao su có hướng từ trước ra sau và từ phải S trái

- Bọc cao su tay cầm lái bên phải, tại vị trí mặt sau và mặt ngoài có dấu vết trượt xước, rách thủng nhựa bám dính chất màu đen, kích thước (4 x 7,5)cm có hướng từ phải S trái.

- Tay phanh phía bên phải có dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đen kích thước (11x 1,5)cm có hướng từ phải S trái.

- Mặt ngoài bàn đế chân sau bên trái có dấu vết trượt xước kim loại, kích thước (3 x 3)cm, chiều hướng từ sau tới trước.

- Mặt dưới chân chống và lò xo chân chống có dấu vết trượt xước, bám dính chất màu trắng, kích thước (13 x 6,5)cm

- Mặt bên trái yên xe có dấu vết mài mòn cao su kích thước (12x 4)m hướng từ sau ra trước.

- Phần yên xe phía bên phải có dấu vết trượt xước bám dính chất màu đen.

3. Kết luận giám định vị trí va chạm

Tại bản kết luận giám định số 243/KLGD-PC09 ngày 10/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, xác định:

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô không biển kiểm soát (*Sau đây viết tắt là: xe mô tô*) và xe đạp là: Phần trước bên phải đầu xe mô tô gồm các vị trí: Ốp nhựa đầu xe, dè chắn bùn, mặt lắn và má lốp bánh trước va chạm với phần bên phải xe đạp gồm các vị trí: Tay lái, tay phanh bên phải, bulong cọc yên, khung xe, chắn xích.

- Xe mô tô va chạm vào xe đạp theo hướng từ trước ra sau, từ phải S trái.

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô và xe đạp trên hiện trường là: Khu vực phía trước điểm đầu dấu vết số (2) trên phần đường theo chiều đi từ CL - Đông Hà (Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Huệ).

- Không có cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô và xe đạp tại thời điểm xảy ra tai nạn.

4. Kết luận giám định thương tích

- Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 51/TgT ngày 09/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Trị, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của cháu Nguyễn Quang T là 46%.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 55/TgT ngày 10/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Trị, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của cháu Nguyễn Lê Hoàng O là 36%.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 94/TgT ngày 04/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Trị, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Sĩ Nhị S là 12%.

5. Kết luận định giá tài sản

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KLĐGTS ngày 25/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xác định:

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen-đỏ, số khung: B9407Y003030, số máy: 5B94-003030, không gắn BKS, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại do tai nạn giao thông: 816.000 đồng.

- Xe đạp nhãn hiệu VICTORY WAHAMA, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại do tai nạn giao thông: 2.000.000 đồng.

* Tại Văn bản số 651/QGTVT-PTNL ngày 23/3/2020 của Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị, có nội dung: Ông Lê Sĩ Nhị S, sinh năm: 1993, CMND số 197335670; Trú tại: Thôn Phở Lại, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, chưa được Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị, cấp Giấy phép lái xe mô tô hạng A1, loại Thẻ nhựa PET .

* Cáo trạng số 88/CT-VKSDH ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố:

- Bị cáo Lê Sĩ Nhị S về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Hồ Đức T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

* **Tại phiên tòa:** Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Sĩ Nhị S, phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"; Bị cáo Hồ Đức T, phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

+ Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 206; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để buộc bị cáo Lê Sĩ Nhị S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hồ Đức T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự,

+ Buộc Lê Sĩ Nhị S, phải bồi thường cho: Anh Nguyễn Văn Cường 38.335.000 đồng; anh Nguyễn Đức Hải 9.000.000 đồng; anh Nguyễn Viết Hùng và chị Nguyễn Thị Kim O 2.100.000 đồng; anh Lê Mậu Hậu 5.000.000 đồng và anh Hoàng Minh Tuệ 10.000.000 đồng.

+ Buộc Lê Sĩ Nhị S và Hồ Đức T phải liên đới bồi thường theo phần cho anh Hồ Sỹ Khánh Đang 6.000.000 đồng. Trong đó, Lê Sĩ Nhị S và Hồ Đức T mỗi người phải bồi thường cho anh Đang 3.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách phần dân sự trong tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tố tụng

Quá trình điều tra- truy tố- xét xử: Cơ quan tiến hành tố tụng- người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hoạt động tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng- người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

[2] Nội dung vụ án

2.1. Về trách nhiệm hình sự

2.1.1. Hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Sĩ Nhị S và Hồ Đức T khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng số 88/CT-VKSĐH ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố các bị cáo. Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là: Đơn trình báo của bị hại; Biên bản thu giữ vật chứng; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên có đủ cơ sở để khẳng định:

Với ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác rồi đưa đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài nên trong các ngày 27/9/2019, 05/12/2019, 21/12/2019, 14/02/2020 và 02/3/2020, Lê Sĩ Nhị S đã nói dối với anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Đức H, anh Nguyễn Viết H, anh Trần Minh H và anh Hoàng Minh T là những người đang quản lý, sử dụng tài sản (xe mô tô) hợp pháp. Tưởng lời nói dối của S là thật nên anh C, anh H, anh H, anh H và anh T đã giao tài sản (xe mô tô) cho S mượn sử dụng; Mượn được xe, S liền đưa đi cầm cố- gán nợ để lấy tiền tiêu xài. Ngoài ra, ngày 27/02/2020, nghe theo sự xúi dục S, Hồ Đức T đã nói dối với anh Hồ Sỹ Khánh Đ để mượn xe mô tô nhằm mục đích chiếm đoạt, tưởng lời nói dối của T là thật nên anh Đ đã giao xe mô tô cho T mượn sử dụng; Mượn được xe, S và T liền đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Theo kết luật định giá, thì mỗi chiếc xe các bị cáo đã chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, tổng giá trị của 06 chiếc xe mô tô là 134.285.000 đồng (Chiếc xe mô tô S cùng T chiếm đoạt của anh Đ vào ngày 27/02/2020, có giá trị 18.630.000 đồng). Vì vậy, bị cáo S chịu trách nhiệm trên tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 134.285.000 đồng; Bị cáo Hồ Đức T chỉ chịu trách nhiệm đối với giá trị tài sản chiếm đoạt cùng S là 18.630.000 đồng.

- Hành vi nêu trên của Lê Sĩ Nhị S phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLSH. Ngoài ra, S đã “*Tái phạm*” được xác định tại Bản án số 29/2019/HS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Quảng Trị và chưa được xóa án tích mà lại cố ý phạm tội mới nên S phải chịu thêm tình tiết định khung hình phạt là “*Tái Phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi nêu trên của Hồ Đức T phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Sĩ Nhị S: Trong khoảng thời gian, kể từ ngày 27/9/2019 đến ngày 02/3/2020, S đã thực hiện liên tiếp 06 lần chiếm đoạt tài sản nhưng S không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính mà số tiền có được từ hành vi phạm tội để tiêu xài cá nhân nên không đủ điều kiện để xác định S “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an trên địa bàn thành phố Đông Hà và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Ngoài ra, trong vụ án này, Lê Sĩ Nhị S đã 06 lần thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vào các thời gian, địa điểm khác nhau, giá trị tài sản mỗi lần S chiếm đoạt được đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Trong lần phạm tội cùng T vào ngày 27/02/2020, có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, cụ thể: S là người khởi xướng đồng thời cũng là người chủ động đưa tài sản chiếm đoạt được đi cầm cố, T chỉ trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo theo sự hướng dẫn của S nên trong lần phạm tội này, vai trò của S

và T là ngang nhau. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng- ngừa và đẩy lùi loại tội phạm có chiều hướng gia tăng này trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên phải áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị hại là anh Nguyễn Đức H, xin giảm nhẹ hình phạt cho S nên S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Đối với hành vi nhận tài sản là xe mô tô để làm tin khi cho S mượn tiền của bà Nguyễn Thị Kim O, anh Nguyễn T, anh Lê Mậu H và ông Mai Hoàng L và nhận tài sản để cản trở nợ của ông Lê Quang Hoàng L, xét thấy: Bà O, anh T, anh H, ông L không biết tài sản mình nhận từ S là do S phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý hành vi nhận tài sản làm tin-cản trở nợ là có căn cứ.

* Đối với hành vi mua xe mô tô BKS 74G1-139.61 tại ông Lê Hoàng L và xe mô tô BKS 74F7-3469 tại bà Nguyễn Thị Kim O của những nam thanh niên: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được danh tính của những nam thanh niên mua xe mô tô nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.1.2. Hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Sĩ Nhị S khai nhận toàn bộ hành vi tham gia giao thông vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 09/02/2020 như nội dung bản cáo trạng số 88/CT-VKSDH ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo. Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản thực nghiệm điều tra, Sơ đồ thực nghiệm điều tra; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định; Lời khai của bị hại cũng như người làm chứng nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/02/2020, S điều khiển xe mô tô có dung tích xilanh 110 cm³ tham gia giao thông, xe không gắn biển kiểm soát, không có đèn chiếu sáng và không có giấy phép lái xe theo quy định, lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo theo hướng Cam Lộ đi Đông Hà. Khi qua trước Công viên Fidel- Là khu vực đông dân cư, có biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên và đã phát hiện phía trước có xe đạp đi ngược chiều nhưng với ý thức chủ quan nên S vẫn giữ nguyên tốc độ và tiếp tục điều khiển xe đi thẳng. Khi hai xe cách nhau khoảng 05 mét, xe đạp đã chuyển hướng đến vạch sơn phân chia hai làn đường thì S mới giảm tốc độ đánh lái S phải theo hướng di chuyển để tránh. Do khoảng cách quá gần nên xe mô tô do S điều khiển đã va chạm vào xe đạp do cháu O điều khiển, gây tai nạn giao thông. Hậu quả, cháu O, cháu T và S đều bị thương phải điều trị tại bệnh viện TW Huế một thời gian sức khỏe mới ổn định.

Hành vi của S đã vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 2, 3 Điều 53; khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ, gây hậu quả: Cháu Nguyễn Lê Hoàng O bị tổn thương cơ thể 36%, cháu Nguyễn Quang T bị tổn thương cơ thể 46%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của cháu O và cháu T là 82% nên hành vi nêu trên của Lê Sĩ Nhị S đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

* Đối với cháu Nguyễn Lê Hoàng O (11 tuổi) điều khiển xe đi vào phần đường ngược chiều, không đúng phần đường quy định; không chấp hành biển báo hiệu đường bộ là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả: Cháu Nguyễn Quang T bị tổn thương cơ thể 46%, Lê Sĩ Nhị S bị tổn thương cơ thể 12 và gây thiệt hại về tài sản 816.000 đồng. Hành vi của cháu O cũng là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông. Tuy nhiên, tỷ lệ tổn thương cơ thể của S và cháu T dưới 61% và cháu O chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự và an toàn công cộng, gây mối lo ngại cho mọi người khi tham gia giao thông trên các tuyến đường thuộc thành phố Đông Hà. Ngoài ra, trong vụ án này, S đã bị kết án được xác định tại Bản án số 29/2019/HS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Quảng Trị, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội thuộc loại tội phạm "*Rất nghiêm trọng*" do lỗi vô ý nên S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với S mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng- ngừa và đẩy lùi loại tội phạm có chiều hướng gia tăng này trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử S đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị hại (Cháu O) cũng có lỗi (như đã nhận định nêu trên) nên phải áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho S là có căn cứ.

* Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà các bị cáo gây ra trong vụ án này, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đặc biệt là bị cáo S, cụ thể: S 03 lần bị kết án về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", 01 lần bị kết án về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" mà lại phạm tội mới cùng loại tội đã bị kết án nên phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ và cần thiết. Ngoài ra, bị cáo S bị xét xử cùng 01 lần với 02 tội nên phải áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để buộc S phải chấp hành hình chung của hai tội. Đối với thời gian S bị tạm giam được tính vào thời gian chấp hành án.

2.2. Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả lại: Xe mô tô BKS 74C1-300.13 cho anh Ngô Ngọc Phong; xe mô tô BKS 74C1-447.70 cho anh Trần Minh H; xe mô tô BKS 74C1-426.66 cho anh Hồ Sỹ Khánh Đang; xe mô tô 74B1-168.90 cho anh Hoàng Minh Tuệ; xe mô tô không có BKS cùng với Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy cho Nguyễn Lương Nghĩa và xe đạp cho ông Nguyễn Quang Điệp là có căn cứ.

2.3. Về trách nhiệm dân sự:

2.3.1. Trách nhiệm dân sự trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

- Anh Nguyễn Văn C: Yêu cầu S bồi thường số tiền 38.335.000 đồng, tương ứng trị giá chiếc xe mô tô BKS74G1-139.61 mà S đã chiếm đoạt là có căn cứ cần chấp nhận.

- Anh Nguyễn Đức H: Yêu cầu S bồi thường số tiền 9.000.000 đồng mà Anh đi chuộc xe từ bà O là có căn cứ cần chấp nhận.

- Anh Ngô Ngọc P đã nhận lại xe mô tô BKS 74C1-300.13, bà Nguyễn Thị Kim O đã nhận lại số tiền 9.000.000 đồng; Anh P và bà O không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Vợ chồng anh Nguyễn Viết H chị Nguyễn Thị Kim O: Yêu cầu S bồi thường số tiền 2.100.000 đồng, tương ứng giá trị chiếc xe mô tô BKS 74F7-3469 mà S đã chiếm đoạt là có căn cứ cần chấp nhận.

- Anh Trần Minh H đã nhận lại xe mô tô BKS 74C1-447.70 và trả lại xe cho anh Nguyễn Tiến Q. Sau khi nhận lại tài sản, anh H, anh Quý và ông Nguyễn Tiến P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Lê Mậu H: Yêu cầu S bồi thường số tiền 5.000.000 đồng mà Anh đã cho S mượn là có căn cứ cần chấp nhận.

- Anh Hồ Sỹ Khánh Đ đã nhận lại xe mô tô BKS 74C1-426.66 và có yêu cầu S cùng Hồ Đức T bồi thường 6.000.000 đồng (Số tiền anh Đ chuộc xe từ anh Nguyễn T): Xét thấy, yêu cầu của anh Đ là có căn cứ cần chấp nhận để buộc S và Hồ Đức T phải liên đới bồi thường theo phần cho anh Đ số tiền 6.000.000 đồng, S và Hồ Đức T mỗi người phải bồi thường 3.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn T đã nhận lại 6.000.000 đồng và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Hoàng Minh T và bà Lê Thị X đã nhận lại xe mô tô 74B1-168.90, ông Mai Hoàng L đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng từ anh Tuệ; Bà X và ông L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hoàng Minh T: Yêu cầu S bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (khoản tiền anh T chuộc xe từ ông Mai Hoàng L) là có căn cứ cần chấp nhận.

2.3.2. Trách nhiệm dân sự trong tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”:

- Theo yêu cầu của S, bà Nguyễn Thị T (mẹ của S) đã bồi thường cho cháu O và cháu T 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T không có ý kiến gì đối với khoản tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Quang Đ, bà Lê Hải Y đề nghị Hội đồng xét xử tách phần dân sự (Phần yêu cầu bồi thường thiệt hại cho cháu O và cháu T) ra khỏi vụ án hình sự để Ông, Bà có điều kiện bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Xét thấy: Yêu cầu của ông Đ, bà Y là có căn cứ và việc chưa giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại, bồi hoàn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự này nên cần áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự để tách phần dân sự (Phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của cháu O, cháu T) ra khỏi vụ án. Và cháu O, cháu T có quyền khởi kiện “Yêu cầu bồi thường thiệt hại, bồi hoàn” theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với khoản tiền S đã bồi thường (20.000.000 đồng) sẽ được xem xét, giải quyết khi cháu O, cháu T thực hiện quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Lương N đã nhận lại xe mô tô và Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Sau khi nhận lại tài sản, anh N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Bị cáo **Lê Sĩ Nhị S** (Tên gọi khác: **Lu**), phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Bị cáo **Hồ Đức T** (Tên gọi khác: **Ti**), phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1. Về trách nhiệm hình sự

1.1. Bị cáo Lê Sĩ Nhị S

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S **04** (Bốn) năm **09** (Chín) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Sĩ Nhị S **03** (Ba) năm tù về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự,

Tổng hợp hình phạt **04** năm **09** tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với hình phạt **03** năm tù về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*". Buộc Lê Sĩ Nhị S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **07** (Bảy) năm **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13/3/2020.

1.2. Bị cáo Hồ Đức T

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hồ Đức T: **15** (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự,

* Buộc Lê Sĩ Nhị S, phải bồi thường cho:

- Anh Nguyễn Văn C: 38.335.000 đồng;
- Anh Nguyễn Đức H: 9.000.000 đồng;
- Anh Nguyễn Viết H và chị Nguyễn Thị Kim O: 2.100.000 đồng;
- Anh Lê Mậu H: 5.000.000 đồng;
- Anh Hoàng Minh T: 10.000.000 đồng.

* Buộc Lê Sĩ Nhị S và Hồ Đức T phải liên đới bồi thường theo phần cho anh Hồ Sỹ Khánh Đ 6.000.000 đồng. Trong đó, Lê Sĩ Nhị S và Hồ Đức T mỗi người phải bồi thường cho anh Đ là: 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tách phần dân sự trong tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” ra khỏi vụ án hình sự này.

Cháu Nguyễn Lê Hoàng O và Nguyễn Quang T có quyền khởi kiện “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra” bằng vụ án dân sự độc lập theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

Buộc Lê Sĩ Nhị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.871.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm Lê Sĩ Nhị S phải chịu là: 3.071.000 đồng.

Buộc Hồ Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm Hồ Đức T phải chịu là: 500.000 đồng.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo; Bị hại, Người CQLNVLQ;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy